UBND PHƯỜNG QUẢNG PHÚ

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 104 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND phường Quảng Phú)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026							
									Chia theo nguồn vốn					
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Ngân sách thành phố	Tổng số	*Ngân sách tập trung*	*Thu tiền đất được phân bổ (**)*	*Dự kiến tăng thu tiền đất (**)*	*Nguồn khác (Vượt thu chuyển nguồn và tăng thu dự toán năm 2026)*
	TỔNG SỐ		**410.090,947**	**-**	**19.149,127**	**12.227,846**	**77.815,000**	**-**	**5.222,000**	**72.593,000**	**29.430,000**	**21.513,000**	**20.000,000**	**1.650,000**
A	**Công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang năm 2026**		**24.190,947**	**-**	**19.149,127**	**12.227,846**	**10.760,000**	**-**	**5.222,000**	**5.538,000**	**2.270,000**	**3.108,000**	**-**	**160,000**
I	**Sự nghiệp giáo dục và đào tạo**		**3.540,000**	**-**	**2.354,000**	**1.618,573**	**2.700,000**	**-**	**1.700,000**	**1.000,000**	**1.000,000**	**-**	**-**	**-**
1	Sửa chữa cơ sở vật chất trường Hải Âu	2025-2026	1.186,000				1.000,000			1.000,000	1.000,000			
2	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	2025-2027	2.354,000		2.354,000	1.618,573	1.700,000		1.700,000	-				
II	**Sự nghiệp văn hóa - thông tin**		**4.262,000**		**1.140,000**	**1.140,000**	**3.522,000**	**-**	**3.522,000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Trùng tu, tôn tạo cấp thiết di tích Lăng Đức Cá Ông Nam Hải	2026	4.262,000		1.140,000	1.140,000	3.522,000		3.522,000	-				
III	**Hoạt động kinh tế**		**14.174,947**	**-**	**13.559,068**	**7.538,327**	**4.378,000**	**-**	**-**	**4.378,000**	**1.270,000**	**3.108,000**	**-**	**-**
1	Kiên cố hoá kênh mương loại 3, xã Tam Phú	2020	1.882,736		1.792,002	1.694,000	108,000			108,000		108,000		
2	Đường giao thông trục chính nội đồng thôn Phú Quý và Phú Thạnh	2023	2.596,000		2.070,855	1.948,314	120,000			120,000	120,000			
3	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Cung đến giáp nhà ông Tiền thôn Phú Đông	2023	2.397,000		2.397,000	1.295,763	1.100,000			1.100,000	1.100,000			

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026							
									Chia theo nguồn vốn					
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Ngân sách thành phố	Tổng số	*Ngân sách tập trung*	*Thu tiền đất được phân bổ (**)*	*Dự kiến tăng thu tiền đất (**)*	*Nguồn khác (Vượt thu chuyển nguồn và tăng thu dự toán năm 2026)*
4	Sửa chữa, mở rộng đường bê tông từ ngõ ông Phương đến giáp cống ông Xiêm	2023	2.303,211		2.303,211	1.769,253	50,000			50,000	50,000			
5	Cải tạo, nâng cấp đường vào và trồng rừng vùng đệm cách ly nghĩa trang xã Tam Phú	2025	4.996,000		4.996,000	830,997	3.000,000			3.000,000		3.000,000		
IV	**Sự nghiệp đảm bảo xã hội**		**2.214,000**		**2.096,059**	**1.930,946**	**160,000**	**-**	**-**	**160,000**	**-**	**-**	**-**	**160,000**
	Nâng cấp, chỉnh trang Nghĩa trang Liệt sỹ xã Tam Thanh	2026	2.214,000		2.096,059	1.930,946	160,000			160,000				160,000
B	**Công trình khởi công mới**	**-**	**385.900,000**	**-**	**-**	**-**	**67.055,000**	**-**	**-**	**67.055,000**	**27.160,000**	**18.405,000**	**20.000,000**	**1.490,000**
I	**Sự nghiệp giáo dục và đào tạo**		**5.000,000**	**-**	**-**	**-**	**3.990,000**	**-**	**-**	**3.990,000**	**-**	**2.500,000**	**-**	**1.490,000**
1.1	Thư viện số và phòng học Stem Trường THCS Thái Phiên	2026	2.000,000				1.490,000			1.490,000	-	700,000	-	790,000
1.2	Thư viện số và phòng học Stem Trường THCS Nguyễn Khuyến	2026	2.000,000				1.500,000			1.500,000	-	800,000	-	700,000
1.3	Đầu tư bàn ghế cho các trường	2026	1.000,000				1.000,000	-		1.000,000	-	1.000,000	-	-
II	**Sự nghiệp khoa học công nghệ**		**30.000,000**	**-**	**-**	**-**	**6.000,000**	**-**	**-**	**6.000,000**	**-**	**2.000,000**	**4.000,000**	**-**
	Đề án nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin các cơ quan, đơn vị, trường học phục vụ chuyển đổi số	2026	30.000,000				6.000,000	-	-	6.000,000	-	2.000,000	4.000,000	

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026							
									Chia theo nguồn vốn					
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Ngân sách thành phố	Tổng số	*Ngân sách tập trung*	*Thu tiền đất được phân bổ (**)*	*Dự kiến tăng thu tiền đất (**)*	*Nguồn khác (Vượt thu chuyển nguồn và tăng thu dự toán năm 2026)*
III	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**		**3.900,000**				**2.210,000**	**-**	**-**	**2.210,000**	**2.210,000**	**-**	**-**	**-**
	Sửa chữa bãi tắm Hạ Thanh	2026	3.900,000				2.210,000	-		2.210,000	2.210,000	-	-	
IV	**Sự nghiệp môi trường**		**21.300,000**				1.000,000	-	-	1.000,000	-	1.000,000	-	-
	Mương thoát nước ra sông thôn Quý Ngọc	2026	1.300,000				1.000,000	-	-	1.000,000	-	1.000,000		
V	**Sự nghiệp kinh tế**		**325.700,000**	**-**	**-**	**-**	**53.855,000**	**-**	**-**	**53.855,000**	**24.950,000**	**12.905,000**	**16.000,000**	**-**
1	**Thủy lợi - Thủy sản**		**3.700,000**	**-**	**-**	**-**	**2.500,000**	**-**	**-**	**2.500,000**	**-**	**2.500,000**	**-**	**-**
1.1	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng Khối phố Ngọc Nam, An Hà Nam, An Hà Đông, An Hà Trung	2026	2.500,000				1.500,000	-		1.500,000	-	1.500,000	-	-
1.2	Nâng cấp trạm bơm đồng Xuân Đen (Trạm bơm dã chiến An Hà Trung)	2026	1.200,000				1.000,000	-		1.000,000	-	1.000,000	-	-
2	**Định canh, định cư**		**238.500,000**	**-**	**-**	**-**	**11.905,000**	**-**	**-**	**11.905,000**	**5.000,000**	**905,000**	**6.000,000**	**-**
2.1	Chỉnh trang đô thị khớp nối hạ tầng khu dân cư tổ 3, khối phố An Hà Nam	2026	38.500,000				11.905,000			11.905,000	5.000,000	905,000	6.000,000	-
2.2	KDC- TĐC Phú Đông (GĐ2)	2026-2030	200.000,000				-	-		-	-	-	-	-
3	**Sự nghiệp giao thông**		**83.500,000**	**-**	**-**	**-**	**39.450,000**	**-**	**-**	**39.450,000**	**19.950,000**	**9.500,000**	**10.000,000**	**-**
3.1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Kỳ-Tam Thanh đi QL 40B khối phố Phú Bình	*2026*	22.000,000				10.000,000	-		10.000,000	5.000,000	-	5.000,000	

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026							
									Chia theo nguồn vốn					
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Ngân sách thành phố	Tổng số	*Ngân sách tập trung*	*Thu tiền đất được phân bổ (**)*	*Dự kiến tăng thu tiền đất (**)*	*Nguồn khác (Vượt thu chuyển nguồn và tăng thu dự toán năm 2026)*
3.2	Nâng cấp, mở rộng đường Tam Kỳ- Tam Thanh đi Tân Phú (Đường đi Cảng Cá)	*2026*	25.000,000				11.000,000	-		11.000,000	6.000,000	-	5.000,000	
3.3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Nguyễn Tất Thành đến nhà bà Lắm khối phố Phú Phong (Rộng 7,5m; chiều dài khoảng 520m)	*2026*	3.000,000				1.500,000			1.500,000	500,000	1.000,000		
3.4	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông khối phố Phú Đông (Rộng 6,0m; chiều dài khoảng 550m)	*2026*	3.400,000				1.700,000			1.700,000	700,000	1.000,000		
3.5	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Lê Thánh Tông đi sông Đầm khối phố An Hà Đông (Rộng 6,0m; chiều dài khoảng 500m)	*2026*	2.800,000				1.400,000			1.400,000	600,000	800,000		
3.6	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường Bà Tá- An Hà đi khu dân cư An Phú khối phố An Hà Nam (Rộng 6,0; chiều dài khoảng 600m)	*2026*	3.700,000				1.700,000			1.700,000	1.000,000	700,000		
3.7	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ ĐX3 KP Phú Phong đến Làng Hoa Sen khối phố Phú Sơn (Rộng 7,5m; chiều dài khoảng 850m)	*2026*	4.500,000				2.300,000			2.300,000	1.300,000	1.000,000		

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026							
									Chia theo nguồn vốn					
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Ngân sách thành phố	Tổng số	*Ngân sách tập trung*	*Thu tiền đất được phân bổ (**)*	*Dự kiến tăng thu tiền đất (**)*	*Nguồn khác (Vượt thu chuyển nguồn và tăng thu dự toán năm 2026)*
3.8	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ ĐX3 khối phố Phú Phong đến Bà Tá khối phố Phú Ân (Rộng 7,5m; chiều dài khoảng 1.350m)	*2026*	3.800,000				1.800,000			1.800,000	1.100,000	700,000		
3.9	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ nhà ông Được đến đập Hói Gia khối phố Phú Thạnh (Rộng 6,0m; chiều dài khoảng 600m)	*2026*	2.800,000				1.700,000			1.700,000	900,000	800,000	-	
3.10	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Võ Chí Công đến nhà ông Liên khối phố Quý Ngọc (Rộng 7,5m; chiều dài khoảng 300m)	*2026*	2.200,000				1.000,000			1.000,000	500,000	500,000	-	
3.11	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông khối phố An Hà Trung (Rộng 5,0m; chiều dài khoảng 300m)	*2026*	1.500,000				750,000			750,000	350,000	400,000		
3.12	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông tổ 2, khối phố Tân Phú (Rộng 5,0m, chiều dài khoảng 400m)	*2026*	1.600,000				850,000			850,000	350,000	500,000	-	
3.13	Mương thoát nước khối phố Hoà Thượng	*2026*	1.300,000				650,000			650,000	350,000	300,000	-	

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026							
									Chia theo nguồn vốn					
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Ngân sách thành phố	Tổng số	*Ngân sách tập trung*	*Thu tiền đất được phân bổ (**)*	*Dự kiến tăng thu tiền đất (**)*	*Nguồn khác (Vượt thu chuyển nguồn và tăng thu dự toán năm 2026)*
3.14	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ nhà ông Phan Hồng Đức đến nhà ông Tài khối phố Phú Sơn (Rộng 5,5m; chiều dài 370m)	*2026*	1.700,000				850,000			850,000	350,000	500,000	-	
3.15	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ ĐX3 đến chùa Quảng Hương khối phố Phú Trung (Rộng 5,0m; chiều dài khoảng 340m)	*2026*	1.200,000				650,000			650,000	350,000	300,000	-	
3.16	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông khối phố Hoà Hạ (Rộng 5,0m; chiều rộng khoảng 500m)	*2026*	3.000,000				1.600,000			1.600,000	600,000	1.000,000		